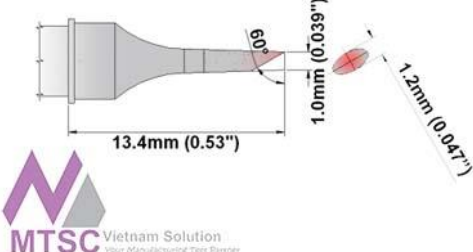


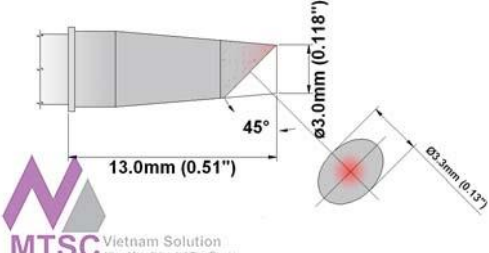
## CÁC MỎ HÀN THERMALTRONICS DÒNG P

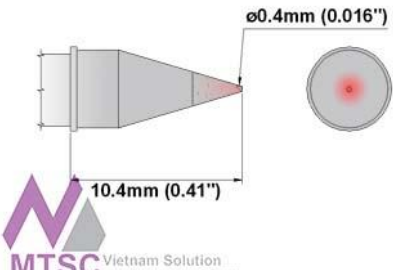
xx = 60 (60 Series 325°C - 358°C)

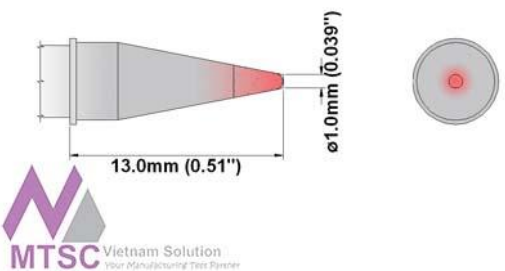
xx = 75 (70 Series 350°C - 398°C)

xx = 80 (80 Series 420°C - 475°C)

|                                                                                                                                                    |                          |                  |                          |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------|--------------------------|
|  <p>MTSC Vietnam Solution<br/>Your Manufacturing Test Partner</p> | <b>PxxBV010</b>          |                  |                          |
|                                                                                                                                                    | Bevel 60° 1.00mm (0.04") |                  |                          |
|                                                                                                                                                    | <b>Mã TMT</b>            | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|                                                                                                                                                    | P60BV010                 | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                                                                                    | P75BV010                 | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                                                                                    | P80BV010                 | N/A              | Xem bảng số liệu         |

|                                                                                                                                                     |                          |                  |                          |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------|--------------------------|
|  <p>MTSC Vietnam Solution<br/>Your Manufacturing Test Partner</p> | <b>PxxBV030</b>          |                  |                          |
|                                                                                                                                                     | Bevel 45° 3.00mm (0.12") |                  |                          |
|                                                                                                                                                     | <b>Mã TMT</b>            | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|                                                                                                                                                     | P60BV030                 | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                                                                                     | P75BV030                 | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                                                                                     | P80BV030                 | N/A              | Xem bảng số liệu         |

|                                                                                                                                                      |                         |                  |                          |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|------------------|--------------------------|
|  <p>MTSC Vietnam Solution<br/>Your Manufacturing Test Partner</p> | <b>PxxC004</b>          |                  |                          |
|                                                                                                                                                      | Conical 0.40mm (0.016") |                  |                          |
|                                                                                                                                                      | <b>Mã TMT</b>           | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|                                                                                                                                                      | P60C004                 | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                                                                                      | P75C004                 | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                                                                                      | P80C004                 | N/A              | Xem bảng số liệu         |

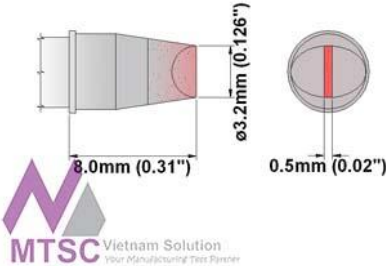
|                                                                                                                                                      |                        |                  |                          |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------|--------------------------|
|  <p>MTSC Vietnam Solution<br/>Your Manufacturing Test Partner</p> | <b>PxxC010</b>         |                  |                          |
|                                                                                                                                                      | Conical 1.00mm (0.04") |                  |                          |
|                                                                                                                                                      | <b>Mã TMT</b>          | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|                                                                                                                                                      | P60C010                | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                                                                                      | P75C010                | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                                                                                      | P80C010                | N/A              | Xem bảng số liệu         |

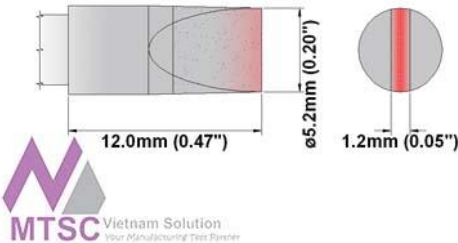
|  |                            |                  |                          |
|--|----------------------------|------------------|--------------------------|
|  | <b>PxxCH012</b>            |                  |                          |
|  | Chisel 30° 1.20mm (0.047") |                  |                          |
|  | <b>Mã TMT</b>              | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|  | P60CH012                   | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|  | P75CH012                   | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|  | P80CH012                   | N/A              | Xem bảng số liệu         |

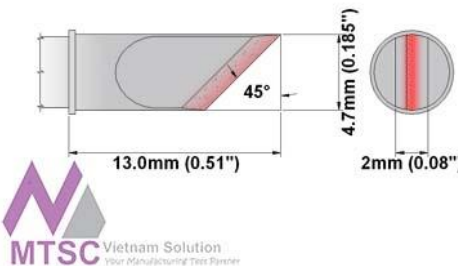
|  |                           |                  |                          |
|--|---------------------------|------------------|--------------------------|
|  | <b>PxxCH016</b>           |                  |                          |
|  | Chisel 30° 1.60mm (0.06") |                  |                          |
|  | <b>Mã TMT</b>             | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|  | P60CH016                  | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|  | P75CH016                  | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|  | P80CH016                  | N/A              | Xem bảng số liệu         |

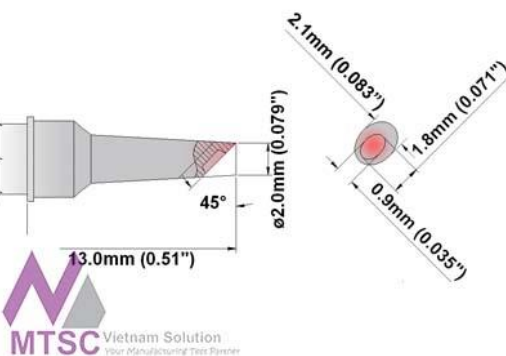
|  |                           |                  |                          |
|--|---------------------------|------------------|--------------------------|
|  | <b>PxxCH024</b>           |                  |                          |
|  | Chisel 30° 2.40mm (0.09") |                  |                          |
|  | <b>Mã TMT</b>             | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|  | P60CH024                  | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|  | P75CH024                  | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|  | P80CH024                  | N/A              | Xem bảng số liệu         |

|  |                           |                  |                          |
|--|---------------------------|------------------|--------------------------|
|  | <b>PxxCH030</b>           |                  |                          |
|  | Chisel 30° 3.00mm (0.12") |                  |                          |
|  | <b>Mã TMT</b>             | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|  | P60CH030                  | STP-CH30         | Xem bảng số liệu         |
|  | P75CH030                  | SFP-CH30         | Xem bảng số liệu         |
|  | P80CH030                  | SCP-CH30         | Xem bảng số liệu         |

|                                                                                   |                           |                  |                          |
|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------|--------------------------|
|  | <b>PxxCH032</b>           |                  |                          |
|                                                                                   | Chisel 90° 3.20mm (0.13") |                  |                          |
|                                                                                   | <b>Mã TMT</b>             | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|                                                                                   | P60CH032                  | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                   | P75CH032                  | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                   | P80CH032                  | N/A              | Xem bảng số liệu         |

|                                                                                    |                           |                  |                          |
|------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------|--------------------------|
|  | <b>PxxCH052</b>           |                  |                          |
|                                                                                    | Chisel 30° 5.20mm (0.20") |                  |                          |
|                                                                                    | <b>Mã TMT</b>             | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|                                                                                    | P60CH052                  | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                    | P75CH052                  | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                    | P80CH052                  | N/A              | Xem bảng số liệu         |

|                                                                                     |                       |                  |                          |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|------------------|--------------------------|
|  | <b>PxxK047</b>        |                  |                          |
|                                                                                     | Knife 4.70mm (0.185") |                  |                          |
|                                                                                     | <b>Mã TMT</b>         | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|                                                                                     | P60K047               | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                     | P75K047               | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                     | P80K047               | N/A              | Xem bảng số liệu         |

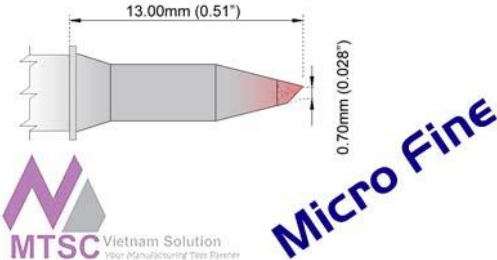
|                                                                                     |                                |                  |                          |
|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------------|--------------------------|
|  | <b>PxxWV020</b>                |                  |                          |
|                                                                                     | Hoof w/Dent 45° 2.00mm (0.08") |                  |                          |
|                                                                                     | <b>Mã TMT</b>                  | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|                                                                                     | P60WV020                       | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                     | P75WV020                       | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                     | P80WV020                       | N/A              | Xem bảng số liệu         |

|  |                                 |                  |                          |
|--|---------------------------------|------------------|--------------------------|
|  | <b>PxxWV031</b>                 |                  |                          |
|  | Hoof w/Dent 60° 3.10mm (0.122") |                  |                          |
|  | <b>Mã TMT</b>                   | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|  | P60WV031                        | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|  | P75WV031                        | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|  | P80WV031                        | N/A              | Xem bảng số liệu         |

|  |                               |                  |                          |
|--|-------------------------------|------------------|--------------------------|
|  | <b>PxxB325</b>                |                  |                          |
|  | Bent Sharp 30° 0.4mm (0.016") |                  |                          |
|  | <b>Mã TMT</b>                 | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|  | P60B325                       | STP-CNB04        | Xem bảng số liệu         |
|  | P75B325                       | SFP-CNB04        | Xem bảng số liệu         |
|  | P80B325                       | SCP-CNB04        | Xem bảng số liệu         |

|  |                           |                  |                          |
|--|---------------------------|------------------|--------------------------|
|  | <b>PxxBS375</b>           |                  |                          |
|  | Bent Sharp 0.25mm (0.01") |                  |                          |
|  | <b>Mã TMT</b>             | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|  | P60BS375                  | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|  | P75BS375                  | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|  | P80BS375                  | N/A              | Xem bảng số liệu         |

|  |                         |                  |                          |
|--|-------------------------|------------------|--------------------------|
|  | <b>PxxBS602</b>         |                  |                          |
|  | Bevel 60° 1.8mm (0.07") |                  |                          |
|  | <b>Mã TMT</b>           | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|  | P60BS602                | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|  | P75BS602                | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|  | P80BS602                | N/A              | Xem bảng số liệu         |

|                                                                                   |                                       |                  |                          |
|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|------------------|--------------------------|
|  | <b>PxxBV007</b>                       |                  |                          |
|                                                                                   | Bevel 45° 0.7mm (0.028\"), Micro Fine |                  |                          |
|                                                                                   | <b>Mã TMT</b>                         | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|                                                                                   | P60BV007                              | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                   | P75BV007                              | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                   | P80BV007                              | N/A              | Xem bảng số liệu         |

## PxxBV350

Bevel 60° 1.78mm (0.07")

**Mã TMT**

**Mã Metcal**

**Thông số kỹ thuật**

P60BV350

N/A

Xem bảng số liệu

P75BV350

N/A

Xem bảng số liệu

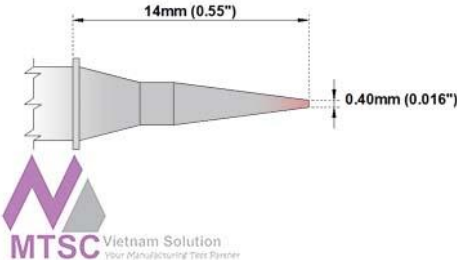
P80BV350

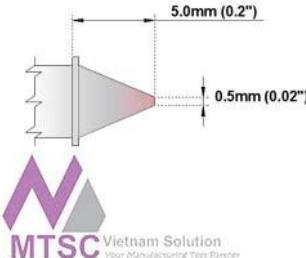
N/A

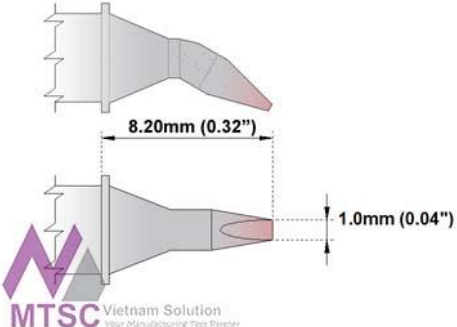
Xem bảng số liệu

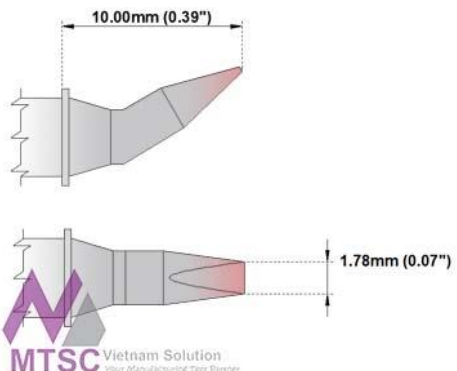
| PxxC001                             |           |                   |
|-------------------------------------|-----------|-------------------|
| Conical 0.10mm (0.004"), Micro Fine |           |                   |
| Mã TMT                              | Mã Metcal | Thông số kỹ thuật |
| P60C001                             | N/A       | Xem bảng số liệu  |
| P75C001                             | N/A       | Xem bảng số liệu  |
| P80C001                             | N/A       | Xem bảng số liệu  |

| PxxC002                             |           |                   |
|-------------------------------------|-----------|-------------------|
| Conical 0.20mm (0.008"), Micro Fine |           |                   |
| Mã TMT                              | Mã Metcal | Thông số kỹ thuật |
| P60C002                             | N/A       | Xem bảng số liệu  |
| P75C002                             | N/A       | Xem bảng số liệu  |
| P80C002                             | N/A       | Xem bảng số liệu  |

|                                                                                                                                                    |                        |                  |                          |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------|--------------------------|
|  <p>MTSC Vietnam Solution<br/>Your Manufacturing Test Partner</p> | <b>PxxC300</b>         |                  |                          |
|                                                                                                                                                    | Conical 0.4mm (0.016") |                  |                          |
|                                                                                                                                                    | <b>Mã TMT</b>          | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|                                                                                                                                                    | P60C300                | STP-CNL04        | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                                                                                    | P75C300                | SFP-CNL04        | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                                                                                    | P80C300                | SCP-CNL04        | Xem bảng số liệu         |

|                                                                                                                                                     |                       |                  |                          |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|------------------|--------------------------|
|  <p>MTSC Vietnam Solution<br/>Your Manufacturing Test Partner</p> | <b>PxxC301</b>        |                  |                          |
|                                                                                                                                                     | Conical 0.5mm (0.02") |                  |                          |
|                                                                                                                                                     | <b>Mã TMT</b>         | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|                                                                                                                                                     | P60C301               | STP-CN05         | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                                                                                     | P75C301               | SFP-CN05         | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                                                                                     | P80C301               | SCP-CN05         | Xem bảng số liệu         |

|                                                                                                                                                      |                               |                  |                          |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|------------------|--------------------------|
|  <p>MTSC Vietnam Solution<br/>Your Manufacturing Test Partner</p> | <b>PxxCB224</b>               |                  |                          |
|                                                                                                                                                      | Chisel Bent 30° 1.0mm (0.04") |                  |                          |
|                                                                                                                                                      | <b>Mã TMT</b>                 | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|                                                                                                                                                      | P60CB224                      | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                                                                                      | P75CB224                      | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                                                                                      | P80CB224                      | N/A              | Xem bảng số liệu         |

|                                                                                                                                                      |                                |                  |                          |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------------|--------------------------|
|  <p>MTSC Vietnam Solution<br/>Your Manufacturing Test Partner</p> | <b>PxxCB225</b>                |                  |                          |
|                                                                                                                                                      | Chisel Bent 30° 1.78mm (0.07") |                  |                          |
|                                                                                                                                                      | <b>Mã TMT</b>                  | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|                                                                                                                                                      | P60CB225                       | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                                                                                      | P75CB225                       | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                                                                                      | P80CB225                       | N/A              | Xem bảng số liệu         |

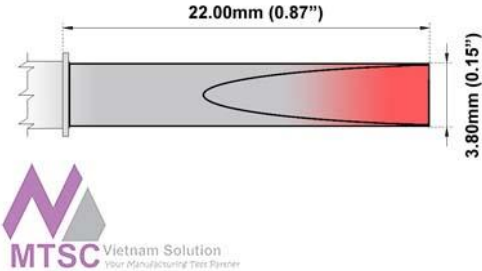


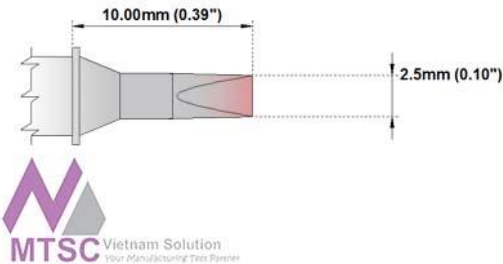
|  |                               |                  |                          |
|--|-------------------------------|------------------|--------------------------|
|  | <b>PxxCB226</b>               |                  |                          |
|  | Chisel Bent 30° 1.5mm (0.06") |                  |                          |
|  | <b>Mã TMT</b>                 | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|  | P60CB226                      | STP-CHB15        | Xem bảng số liệu         |
|  | P75CB226                      | SFP-CHB15        | Xem bảng số liệu         |
|  | P80CB226                      | SCP-CHB15        | Xem bảng số liệu         |

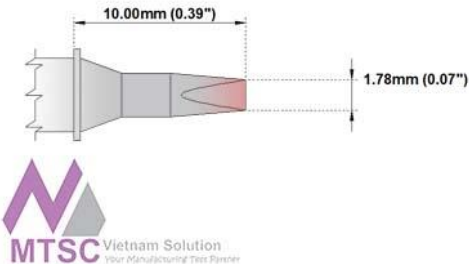
|  |                                       |                  |                          |
|--|---------------------------------------|------------------|--------------------------|
|  | <b>PxxCH004</b>                       |                  |                          |
|  | Chisel 30° 0.4mm (0.016"), Micro Fine |                  |                          |
|  | <b>Mã TMT</b>                         | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|  | P60CH004                              | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|  | P75CH004                              | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|  | P80CH004                              | N/A              | Xem bảng số liệu         |

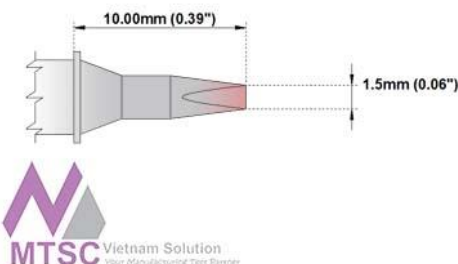
|  |                                       |                  |                          |
|--|---------------------------------------|------------------|--------------------------|
|  | <b>PxxCH006</b>                       |                  |                          |
|  | Chisel 30° 0.6mm (0.024"), Micro Fine |                  |                          |
|  | <b>Mã TMT</b>                         | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|  | P60CH006                              | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|  | P75CH006                              | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|  | P80CH006                              | N/A              | Xem bảng số liệu         |

|  |                                       |                  |                          |
|--|---------------------------------------|------------------|--------------------------|
|  | <b>PxxCH008</b>                       |                  |                          |
|  | Chisel 30° 0.8mm (0.031"), Micro Fine |                  |                          |
|  | <b>Mã TMT</b>                         | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|  | P60CH008                              | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|  | P75CH008                              | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|  | P80CH008                              | N/A              | Xem bảng số liệu         |

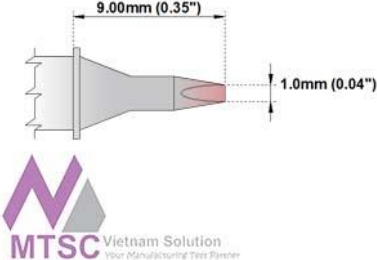
|                                                                                   |                           |                  |                          |
|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------|--------------------------|
|  | <b>PxxCH038</b>           |                  |                          |
|                                                                                   | Chisel 30° 3.80mm (0.15") |                  |                          |
|                                                                                   | <b>Mã TMT</b>             | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|                                                                                   | P60CH038                  | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                   | P75CH038                  | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                   | P80CH038                  | N/A              | Xem bảng số liệu         |

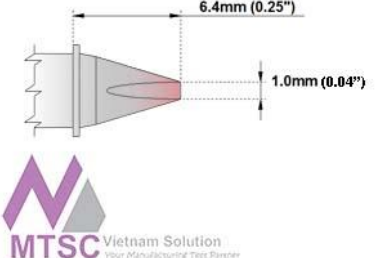
|                                                                                    |                          |                  |                          |
|------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------|--------------------------|
|  | <b>PxxCH175</b>          |                  |                          |
|                                                                                    | Chisel 30° 2.5mm (0.10") |                  |                          |
|                                                                                    | <b>Mã TMT</b>            | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|                                                                                    | P60CH175                 | STP-CH25         | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                    | P75CH175                 | SFP-CH25         | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                    | P80CH175                 | SCP-CH25         | Xem bảng số liệu         |

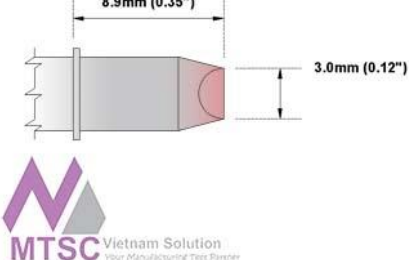
|                                                                                     |                           |                  |                          |
|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------|--------------------------|
|  | <b>PxxCH176</b>           |                  |                          |
|                                                                                     | Chisel 30° 1.78mm (0.07") |                  |                          |
|                                                                                     | <b>Mã TMT</b>             | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|                                                                                     | P60CH176                  | STP-CH20         | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                     | P75CH176                  | SFP-CH20         | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                     | P80CH176                  | SCP-CH20         | Xem bảng số liệu         |

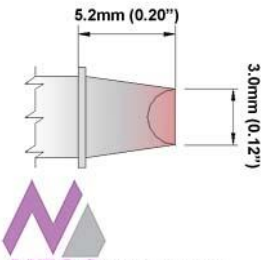
|                                                                                     |                          |                  |                          |
|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------|--------------------------|
|  | <b>PxxCH177</b>          |                  |                          |
|                                                                                     | Chisel 30° 1.5mm (0.06") |                  |                          |
|                                                                                     | <b>Mã TMT</b>            | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|                                                                                     | P60CH177                 | STP-CH15         | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                     | P75CH177                 | SFP-CH15         | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                     | P80CH177                 | SCP-CH15         | Xem bảng số liệu         |

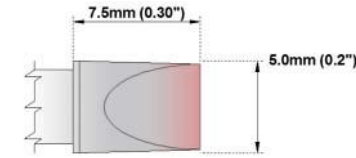


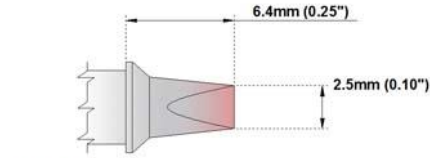
|                                                                                                                                                                                                      |                          |                  |                          |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------|--------------------------|
|  <p>9.00mm (0.35")</p> <p>1.0mm (0.04")</p> <p><b>MTSC</b> Vietnam Solution<br/>Your Manufacturing Test Partner</p> | <b>PxxCH178</b>          |                  |                          |
|                                                                                                                                                                                                      | Chisel 30° 1.0mm (0.04") |                  |                          |
|                                                                                                                                                                                                      | <b>Mã TMT</b>            | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|                                                                                                                                                                                                      | P60CH178                 | STP-CH10         | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                                                                                                                                      | P75CH178                 | SFP-CH10         | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                                                                                                                                      | P80CH178                 | SCP-CH10         | Xem bảng số liệu         |

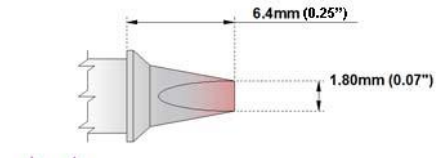
|                                                                                                                                                                                                      |                          |                  |                          |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------|--------------------------|
|  <p>6.4mm (0.25")</p> <p>1.0mm (0.04")</p> <p><b>MTSC</b> Vietnam Solution<br/>Your Manufacturing Test Partner</p> | <b>PxxCH179</b>          |                  |                          |
|                                                                                                                                                                                                      | Chisel 30° 1.0mm (0.04") |                  |                          |
|                                                                                                                                                                                                      | <b>Mã TMT</b>            | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|                                                                                                                                                                                                      | P60CH179                 | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                                                                                                                                      | P75CH179                 | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                                                                                                                                      | P80CH179                 | N/A              | Xem bảng số liệu         |

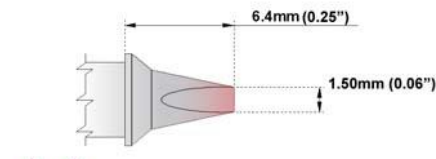
|                                                                                                                                                                                                       |                          |                  |                          |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------|--------------------------|
|  <p>8.9mm (0.35")</p> <p>3.0mm (0.12")</p> <p><b>MTSC</b> Vietnam Solution<br/>Your Manufacturing Test Partner</p> | <b>PxxCH180</b>          |                  |                          |
|                                                                                                                                                                                                       | Chisel 90° 3.0mm (0.12") |                  |                          |
|                                                                                                                                                                                                       | <b>Mã TMT</b>            | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|                                                                                                                                                                                                       | P60CH180                 | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                                                                                                                                       | P75CH180                 | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                                                                                                                                       | P80CH180                 | N/A              | Xem bảng số liệu         |

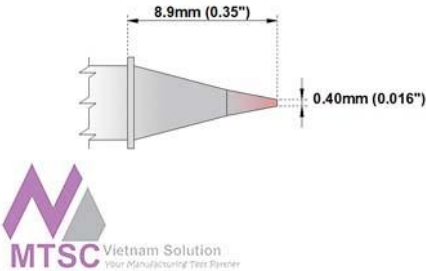
|                                                                                                                                                                                                       |                          |                  |                          |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------|--------------------------|
|  <p>5.2mm (0.20")</p> <p>3.0mm (0.12")</p> <p><b>MTSC</b> Vietnam Solution<br/>Your Manufacturing Test Partner</p> | <b>PxxCH181</b>          |                  |                          |
|                                                                                                                                                                                                       | Chisel 90° 3.0mm (0.12") |                  |                          |
|                                                                                                                                                                                                       | <b>Mã TMT</b>            | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|                                                                                                                                                                                                       | P60CH181                 | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                                                                                                                                       | P75CH181                 | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                                                                                                                                       | P80CH181                 | N/A              | Xem bảng số liệu         |

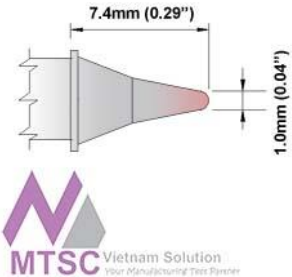
|                                                                                                                                                                                                         |                                  |                  |                          |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------------------|--------------------------|
| <br> | <b>PxxCH250</b>                  |                  |                          |
|                                                                                                                                                                                                         | Chisel Extra Large 5.0mm (0.20") |                  |                          |
|                                                                                                                                                                                                         | <b>Mã TMT</b>                    | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|                                                                                                                                                                                                         | P60CH250                         | STP-CH50         | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                                                                                                                                         | P75CH250                         | SFP-CH50         | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                                                                                                                                         | P80CH250                         | SCP-CH50         | Xem bảng số liệu         |

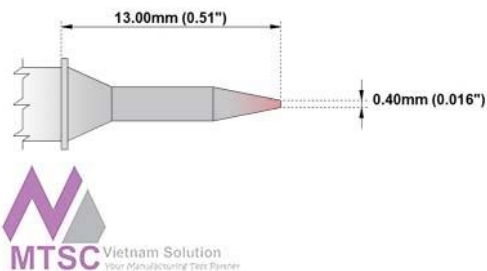
|                                                                                                                                                                                                           |                          |                  |                          |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------|--------------------------|
| <br> | <b>PxxCP200</b>          |                  |                          |
|                                                                                                                                                                                                           | Chisel 30° 2.5mm (0.10") |                  |                          |
|                                                                                                                                                                                                           | <b>Mã TMT</b>            | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|                                                                                                                                                                                                           | P60CP200                 | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                                                                                                                                           | P75CP200                 | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                                                                                                                                           | P80CP200                 | N/A              | Xem bảng số liệu         |

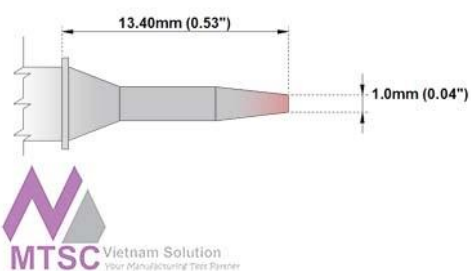
|                                                                                                                                                                                                               |                           |                  |                          |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------|--------------------------|
| <br> | <b>PxxCP201</b>           |                  |                          |
|                                                                                                                                                                                                               | Chisel 30° 1.80mm (0.07") |                  |                          |
|                                                                                                                                                                                                               | <b>Mã TMT</b>             | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|                                                                                                                                                                                                               | P60CP201                  | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                                                                                                                                               | P75CP201                  | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                                                                                                                                               | P80CP201                  | N/A              | Xem bảng số liệu         |

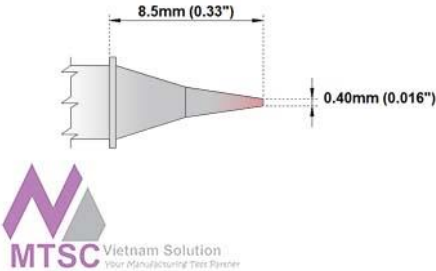
|                                                                                                                                                                                                               |                           |                  |                          |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------|--------------------------|
| <br> | <b>PxxCP202</b>           |                  |                          |
|                                                                                                                                                                                                               | Chisel 30° 1.80mm (0.07") |                  |                          |
|                                                                                                                                                                                                               | <b>Mã TMT</b>             | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|                                                                                                                                                                                                               | P60CP202                  | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                                                                                                                                               | P75CP202                  | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                                                                                                                                               | P80CP202                  | N/A              | Xem bảng số liệu         |

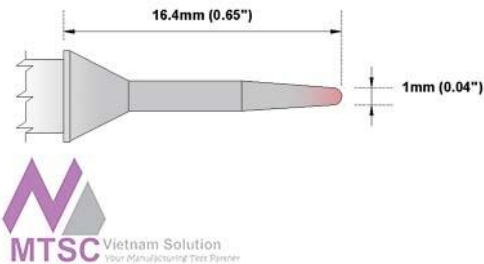
|                                                                                   |                        |                  |                          |
|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------|--------------------------|
|  | <b>PxxCP302</b>        |                  |                          |
|                                                                                   | Conical 0.4mm (0.016") |                  |                          |
|                                                                                   | <b>Mã TMT</b>          | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|                                                                                   | P60CP302               | STP-CN04         | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                   | P75CP302               | SFP-CN04         | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                   | P80CP302               | SCP-CN04         | Xem bảng số liệu         |

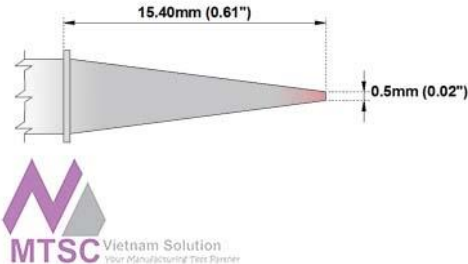
|                                                                                    |                             |                  |                          |
|------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|------------------|--------------------------|
|  | <b>PxxCP303</b>             |                  |                          |
|                                                                                    | Conical Sharp 1.0mm (0.04") |                  |                          |
|                                                                                    | <b>Mã TMT</b>               | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|                                                                                    | P60CP303                    | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                    | P75CP303                    | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                    | P80CP303                    | N/A              | Xem bảng số liệu         |

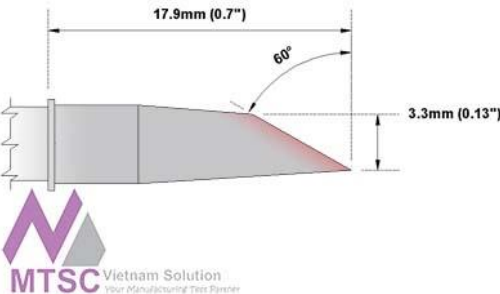
|                                                                                     |                              |                  |                          |
|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|------------------|--------------------------|
|  | <b>PxxCS150</b>              |                  |                          |
|                                                                                     | Conical Sharp 0.4mm (0.016") |                  |                          |
|                                                                                     | <b>Mã TMT</b>                | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|                                                                                     | P60CS150                     | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                     | P75CS150                     | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                     | P80CS150                     | N/A              | Xem bảng số liệu         |

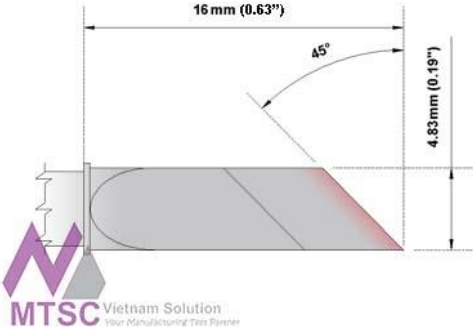
|                                                                                     |                             |                  |                          |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|------------------|--------------------------|
|  | <b>PxxCS151</b>             |                  |                          |
|                                                                                     | Conical Sharp 1.0mm (0.04") |                  |                          |
|                                                                                     | <b>Mã TMT</b>               | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|                                                                                     | P60CS151                    | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                     | P75CS151                    | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                     | P80CS151                    | N/A              | Xem bảng số liệu         |

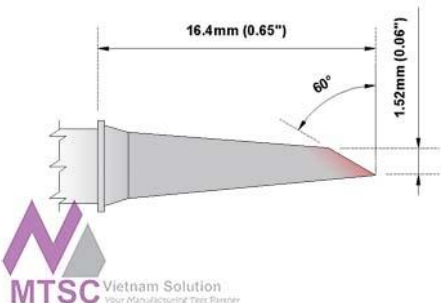
|                                                                                   |                              |                  |                          |
|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|------------------|--------------------------|
|  | <b>PxxCS152</b>              |                  |                          |
|                                                                                   | Conical Sharp 0.4mm (0.016") |                  |                          |
|                                                                                   | <b>Mã TMT</b>                | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|                                                                                   | P60CS152                     | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                   | P75CS152                     | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                   | P80CS152                     | N/A              | Xem bảng số liệu         |

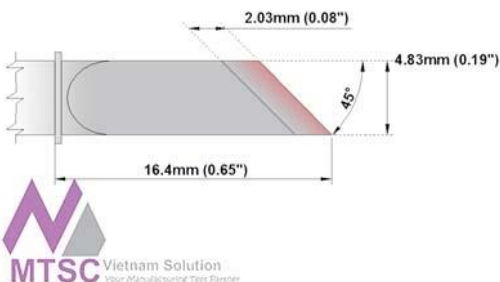
|                                                                                    |                             |                  |                          |
|------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|------------------|--------------------------|
|  | <b>PxxCS154</b>             |                  |                          |
|                                                                                    | Conical Sharp 1.0mm (0.04") |                  |                          |
|                                                                                    | <b>Mã TMT</b>               | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|                                                                                    | P60CS154                    | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                    | P75CS154                    | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                    | P80CS154                    | N/A              | Xem bảng số liệu         |

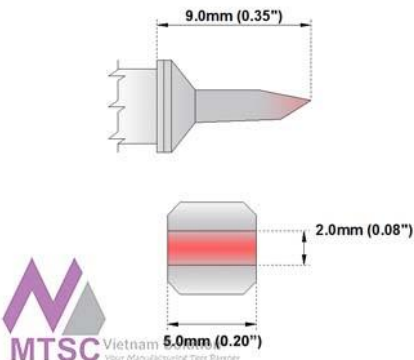
|                                                                                     |                             |                  |                          |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|------------------|--------------------------|
|  | <b>PxxCS155</b>             |                  |                          |
|                                                                                     | Conical Sharp 0.5mm (0.02") |                  |                          |
|                                                                                     | <b>Mã TMT</b>               | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|                                                                                     | P60CS155                    | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                     | P75CS155                    | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                     | P80CS155                    | N/A              | Xem bảng số liệu         |

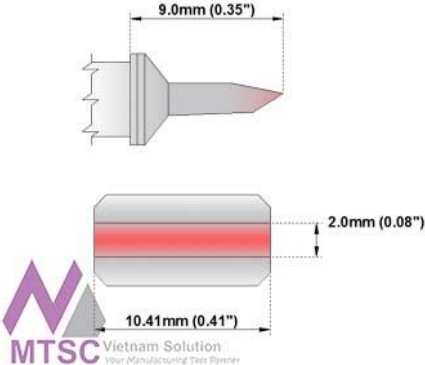
|                                                                                     |                        |                  |                          |
|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------|--------------------------|
|  | <b>PxxDS525</b>        |                  |                          |
|                                                                                     | Hoof 60° 3.3mm (0.13") |                  |                          |
|                                                                                     | <b>Mã TMT</b>          | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|                                                                                     | P60DS525               | STP-DRH35        | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                     | P75DS525               | SFP-DRH35        | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                     | P80DS525               | SCP-DRH35        | Xem bảng số liệu         |

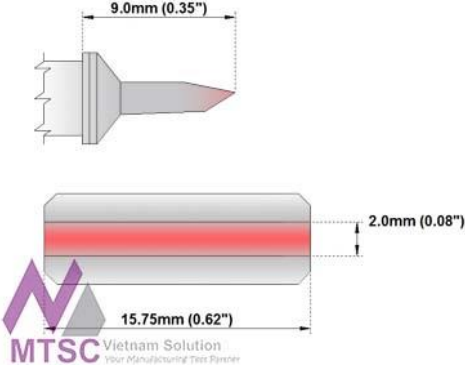
|                                                                                   |                                                                                       |                  |                          |
|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--------------------------|
|  | <b>PxxDS526</b>                                                                       |                  |                          |
|                                                                                   | Knife 4.83mm (0.19\"), Increased Tin Area 5.84mm (0.23\" data-bbox="498 125 888 140"> |                  |                          |
|                                                                                   | <b>Mã TMT</b>                                                                         | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|                                                                                   | P60DS526                                                                              | STP-DRK50        | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                   | P75DS526                                                                              | SFP-DRK50        | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                   | P80DS526                                                                              | SCP-DRK50        | Xem bảng số liệu         |

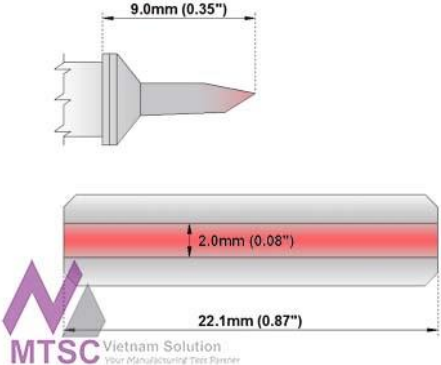
|                                                                                    |                                                      |                  |                          |
|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|------------------|--------------------------|
|  | <b>PxxDS529</b>                                      |                  |                          |
|                                                                                    | Hoof 60° 1.52mm (0.06\" data-bbox="498 335 668 350"> |                  |                          |
|                                                                                    | <b>Mã TMT</b>                                        | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|                                                                                    | P60DS529                                             | STP-DRH15        | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                    | P75DS529                                             | SFP-DRH15        | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                    | P80DS529                                             | SCP-DRH15        | Xem bảng số liệu         |

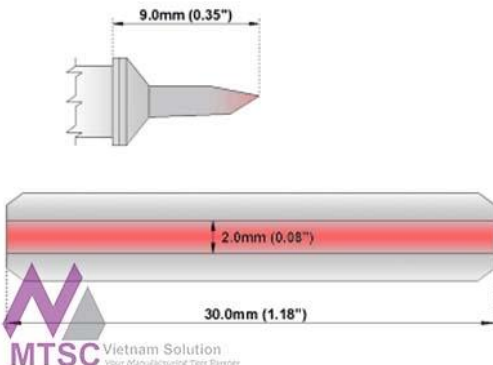
|                                                                                     |                                                                             |                  |                          |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|------------------|--------------------------|
|  | <b>PxxK100</b>                                                              |                  |                          |
|                                                                                     | Knife 4.83mm (0.19\"), Tin Area 2.03mm (0.08\" data-bbox="498 545 818 560"> |                  |                          |
|                                                                                     | <b>Mã TMT</b>                                                               | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|                                                                                     | P60K100                                                                     | STP-DRK50        | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                     | P75K100                                                                     | SFP-DRK50        | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                     | P80K100                                                                     | SCP-DRK50        | Xem bảng số liệu         |

|                                                                                     |                                                       |                  |                          |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------|--------------------------|
|  | <b>PxxLB124</b>                                       |                  |                          |
|                                                                                     | Blade Tip 5.00mm (0.20\" data-bbox="498 785 672 800"> |                  |                          |
|                                                                                     | <b>Mã TMT</b>                                         | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|                                                                                     | P60LB124                                              | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                     | P75LB124                                              | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                     | P80LB124                                              | N/A              | Xem bảng số liệu         |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                           |                  |                          |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------|--------------------------|
|  | <b>PxxLB125</b>           |                  |                          |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Blade Tip 10.41mm (0.41") |                  |                          |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | <b>Mã TMT</b>             | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | P60LB125                  | RTP-BL1          | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | P75LB125                  | RFP-BL1          | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | P80LB125                  | RCP-BL1          | Xem bảng số liệu         |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                           |                  |                          |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------|--------------------------|
|  | <b>PxxLB126</b>           |                  |                          |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Blade Tip 15.75mm (0.62") |                  |                          |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <b>Mã TMT</b>             | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | P60LB126                  | RTP-BL2          | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | P75LB126                  | RFP-BL2          | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | P80LB126                  | RCP-BL2          | Xem bảng số liệu         |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                           |                  |                          |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------|--------------------------|
|  | <b>PxxLB127</b>           |                  |                          |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Blade Tip 22.1 mm (0.87") |                  |                          |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <b>Mã TMT</b>             | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | P60LB127                  | RTP-BL3          | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | P75LB127                  | RFP-BL3          | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | P80LB127                  | RCP-BL3          | Xem bảng số liệu         |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                           |                  |                          |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------|--------------------------|
|  | <b>PxxLB128</b>           |                  |                          |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Blade Tip 30.0 mm (1.18") |                  |                          |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <b>Mã TMT</b>             | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | P60LB128                  | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | P75LB128                  | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | P80LB128                  | N/A              | Xem bảng số liệu         |

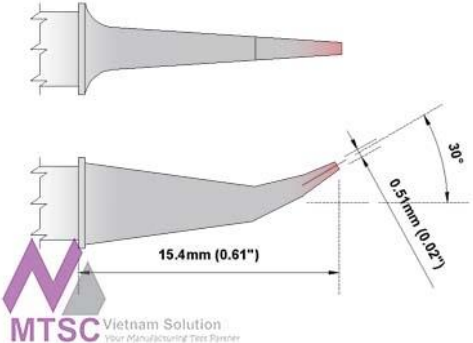


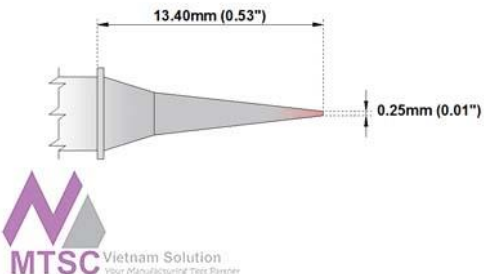
|  |                                  |                  |                          |
|--|----------------------------------|------------------|--------------------------|
|  | <b>PxxLC650</b>                  |                  |                          |
|  | Chisel Extra Large 5.0mm (0.20") |                  |                          |
|  | <b>Mã TMT</b>                    | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|  | P60LC650                         | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|  | P75LC650                         | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|  | P80LC650                         | N/A              | Xem bảng số liệu         |

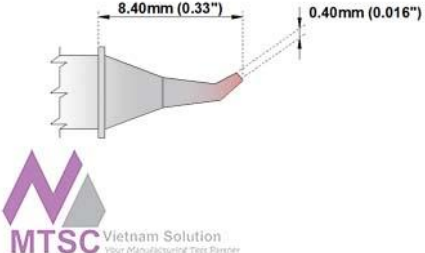
|  |                                    |                  |                          |
|--|------------------------------------|------------------|--------------------------|
|  | <b>PxxLR400</b>                    |                  |                          |
|  | Bevel 60° Long Reach 1.0mm (0.04") |                  |                          |
|  | <b>Mã TMT</b>                      | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|  | P60LR400                           | STP-BVL10        | Xem bảng số liệu         |
|  | P75LR400                           | SFP-BVL10        | Xem bảng số liệu         |
|  | P80LR400                           | SCP-BVL10        | Xem bảng số liệu         |

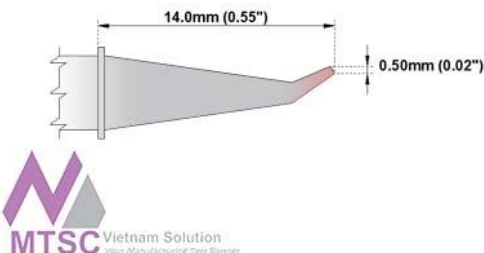
|  |                                    |                  |                          |
|--|------------------------------------|------------------|--------------------------|
|  | <b>PxxLR401</b>                    |                  |                          |
|  | Hoof Long Reach 60° 3.05mm (0.12") |                  |                          |
|  | <b>Mã TMT</b>                      | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|  | P60LR401                           | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|  | P75LR401                           | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|  | P80LR401                           | N/A              | Xem bảng số liệu         |

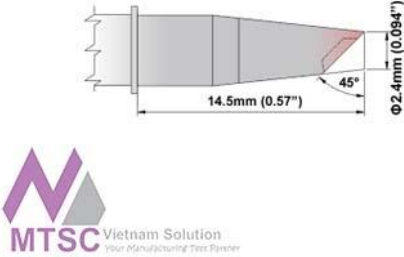
|  |                                      |                  |                          |
|--|--------------------------------------|------------------|--------------------------|
|  | <b>PxxLR403</b>                      |                  |                          |
|  | Chisel 60° Long Reach 1.78mm (0.07") |                  |                          |
|  | <b>Mã TMT</b>                        | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|  | P60LR403                             | STP-CHL20        | Xem bảng số liệu         |
|  | P75LR403                             | SFP-CHL20        | Xem bảng số liệu         |
|  | P80LR403                             | SCP-CHL20        | Xem bảng số liệu         |

|                                                                                                                                                           |                                   |                  |                          |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|------------------|--------------------------|
|  <p><b>MTSC</b> Vietnam Solution<br/>Your Manufacturing Test Partner</p> | <b>PxxMD575</b>                   |                  |                          |
|                                                                                                                                                           | Hook Long 30° Fine 0.51mm (0.02") |                  |                          |
|                                                                                                                                                           | <b>Mã TMT</b>                     | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|                                                                                                                                                           | P60MD575                          | STP-DRH05        | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                                                                                           | P75MD575                          | SFP-DRH05        | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                                                                                           | P80MD575                          | SCP-DRH05        | Xem bảng số liệu         |

|                                                                                                                                                            |                           |                  |                          |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------|--------------------------|
|  <p><b>MTSC</b> Vietnam Solution<br/>Your Manufacturing Test Partner</p> | <b>PxxMF375</b>           |                  |                          |
|                                                                                                                                                            | Micro Fine 0.25mm (0.01") |                  |                          |
|                                                                                                                                                            | <b>Mã TMT</b>             | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|                                                                                                                                                            | P60MF375                  | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                                                                                            | P75MF375                  | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                                                                                            | P80MF375                  | N/A              | Xem bảng số liệu         |

|                                                                                                                                                             |                               |                  |                          |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|------------------|--------------------------|
|  <p><b>MTSC</b> Vietnam Solution<br/>Your Manufacturing Test Partner</p> | <b>PxxSB275</b>               |                  |                          |
|                                                                                                                                                             | Bent Sharp 30° 0.4mm (0.016") |                  |                          |
|                                                                                                                                                             | <b>Mã TMT</b>                 | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|                                                                                                                                                             | P60SB275                      | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                                                                                             | P75SB275                      | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                                                                                             | P80SB275                      | N/A              | Xem bảng số liệu         |

|                                                                                                                                                             |                              |                  |                          |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|------------------|--------------------------|
|  <p><b>MTSC</b> Vietnam Solution<br/>Your Manufacturing Test Partner</p> | <b>PxxSB276</b>              |                  |                          |
|                                                                                                                                                             | Bent Sharp 30° 0.5mm (0.02") |                  |                          |
|                                                                                                                                                             | <b>Mã TMT</b>                | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|                                                                                                                                                             | P60SB276                     | STP-CNB05        | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                                                                                             | P75SB276                     | SFP-CNB05        | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                                                                                             | P80SB276                     | SCP-CNB05        | Xem bảng số liệu         |

|                                                                                   |                                |                  |                          |
|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------------|--------------------------|
|  | <b>PxxWV300</b>                |                  |                          |
|                                                                                   | Hoof w/Dent 45° 2.40mm (0.09") |                  |                          |
|                                                                                   | <b>Mã TMT</b>                  | <b>Mã Metcal</b> | <b>Thông số kỹ thuật</b> |
|                                                                                   | P60WV300                       | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                   | P75WV300                       | N/A              | Xem bảng số liệu         |
|                                                                                   | P80WV300                       | N/A              | Xem bảng số liệu         |